TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình
Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng III đợt 5-năm 2018 (H. Ngọc Lặc)

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	1504	Phạm Thị	Ái	02/04/1984		Trường TH Đồng Thịnh	Ngọc Lặc	8.5	8.5	8.5	Đạt
2	1505	Chu Thị Lan	Anh	01/05/1982		Trường TH Minh Tiến	Ngọc Lặc	8.5	9.0	8.5	Đạt
3	1506	Trần Thị	Anh	02/02/1976		Trường TH Phùng Giáo	Ngọc Lặc	8.0	8.5	8.0	Đạt
4	1507	Trần Thị	Bình	27/10/1979		Tiểu học Sơn Điện 1	Quan Sơn	8.0	8.0	8.0	Đạt
5	1508	Nguyễn Thị	Châu	12/02/1985		Trường TH Minh Sơn 2	Ngọc Lặc	7.0	8.0	8.5	Đạt
6	1509	Bùi Thị	Chinh	28/02/1977		Trường TH Nguyệt Ấn 1	Ngọc Lặc	8.0	7.5	8.5	Đạt
7	1510	Lê Thị Mai	Chinh	10/08/1980		Phòng GD&ĐT	Quan Sơn	8.0	7.5	8.5	Đạt
8	1511	Lê Thị	Chính	26/07/1982		Tiểu học Trung Tiến	Quan Sơn	8.5	8.0	8.5	Đạt
9	1512	Lê Thị	Chịnh	10/09/1987		Tiểu học Sơn Lư	Quan Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt
10	1513	Lê Thị	Chung	16/11/1975		TH Cẩm Phú	Cẩm Thủy	8.5	8.5	8.5	Đạt
11	1514	Lê Thị	Chung	06/10/1973		Trường TH Ngọc Sơn	Ngọc Lặc	7.5	8.0	8.5	Đạt
12	1515	Nguyễn Văn	Cường	10/06/1986	Nam	Tiểu học Tam Lư	Quan Sơn	8.5	7.5	8.5	Đạt
13	1516	Nguyễn Văn	Đào	06/01/1977	Nam	TH Cẩm Bình 1	Cẩm Thủy	7.0	7.5	8.0	Đạt
14	1517	Lê Thị	Dung	12/08/1974		Trường TH Cao Thịnh	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.0	Đạt
15	1518	Lê Thị	Dung	05/02/1977		Trường TH Thị Trấn	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.0	Đạt
16	1519	Nguyễn Văn	Dũng	10/05/1976	Nam	TH Cẩm Long	Cẩm Thủy	7.5	7.5	8.5	Đạt
17	1520	Vi Văn	Duyệt	20/07/1983	Nam	Tiểu học Sơn Thủy	Quan Sơn	7.0	7.0	8.5	Đạt
18	1521	Nguyễn Thị	Hà	21/04/1974		TH Cẩm Sơn	Cẩm Thủy	7.5	8.5	8.5	Đạt
19	1522	Trịnh Thị	Hà	27/10/1975		Trường TH Minh Sơn 2	Ngọc Lặc	7.0	7.5	8.5	Đạt
20	1523	Cao Xuân	Hà	14/04/1974	Nam	Trường TH Phùng Minh	Ngọc Lặc	7.5	7.5	8.5	Đạt
21	1524	Bùi Thị	Hằng	18/04/1979		Trường TH Kiên Thọ 2	Ngọc Lặc	8.0	7.0	8.0	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
22	1525	Lê Văn	Hanh	17/10/1980	Nam	TH Cẩm Thạch	Cẩm Thủy	7.5	7.0	8.5	Đạt
23	1526	Dương Văn	Hạnh	01/10/1973	Nam	Tiểu học Trung Tiến	Quan Sơn	8.0	7.0	8.5	Đạt
24	1527	Hà Thị	Hiền	09/03/1980		TH Cẩm Ngọc	Cẩm Thủy	7.0	8.0	8.5	Đạt
25	1528	Vũ Thị	Hiền	18/01/1977		Trường TH Kiên Thọ 2	Ngọc Lặc	8.0	7.5	8.0	Đạt
26	1529	Đỗ Thu	Hiền	10/02/1979		Tiểu học Trung Tiến	Quan Sơn	8.0	8.5	8.5	Đạt
27	1530	Quách Minh	Huệ	15/04/1980		Trường TH Cao Thịnh	Ngọc Lặc	7.5	7.0	9.0	Đạt
28	1531	Nguyễn Thị	Huệ	02/11/1978		Trường TH Nguyệt Ấn 2	Ngọc Lặc	8.0	8.0	9.0	Đạt
29	1532	Phạm Thị	Huệ	16/09/1975		Trường TH Phúc Thịnh	Ngọc Lặc	7.5	8.0	8.0	Đạt
30	1533	Phạm Ngọc	Hùng	12/08/1969	Nam	TH Cẩm Long	Cẩm Thủy	6.5	7.0	8.0	Đạt
31	1534	Lê Quang	Hùng	11/08/1972	Nam	Trường TH Nguyệt Ấn 2	Ngọc Lặc	8.0	8.0	8.0	Đạt
32	1535	Phạm Thị	Hương	12/11/1979		TH Cẩm Phú	Cẩm Thủy	8.5	8.5	8.5	Đạt
33	1536	Hà Thị	Hương	02/05/1985		Tiểu học Sơn Lư	Quan Sơn	8.5	7.5	8.0	Đạt
34	1537	Khúc Thị	Huyên	10/04/1973		Trường TH Minh Tiến I	Ngọc Lặc	8.5	9.0	8.5	Đạt
35	1538	Đỗ Thị	Huyền	14/05/1983		TH Cẩm Sơn	Cẩm Thủy	8.5	9.0	8.5	Đạt
36	1539	Trịnh Thị	Huyền	14/01/1979		Trường TH Ngọc Khê 1	Ngọc Lặc	9.0	8.5	8.0	Đạt
37	1540	Vũ Thị	Huyền	09/06/1979		Trường TH Thị Trấn	Ngọc Lặc	9.0	8.0	9.0	Đạt
38	1541	Lưu Thị	Huyền	18/03/1978		Tiểu học Cao Ngọc	Quan Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt
39	1542	Lê Thị	Khuê	10/03/1979		Trường TH Mỹ Tân 2	Ngọc Lặc	7.0	8.0	8.0	Đạt
40	1543	Đinh Thị	Lan	20/11/1976		TH Cẩm Ngọc	Cẩm Thủy	7.0	8.0	8.5	Đạt
41	1544	Vũ Thị	Lan	01/03/1980		Tiểu học Sơn Hà	Quan Sơn	8.0	8.5	9.0	Đạt
42	1545	Hà Thị	Lệ	05/04/1981		Tiểu học Sơn Điện 2	Quan Sơn	8.5	7.5	8.5	Đạt
43	1546	Lê Xuân	Long	22/07/1981	Nam	Trường TH Cao Ngọc	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.5	Đạt
44	1547	Phạm Thị	Lực	10/10/1978		TH Cẩm Vân	Cẩm Thủy	8.5	8.0	8.5	Đạt
45	1548	Triệu Văn	Mão	16/12/1975	Nam	Trường TH Nguyệt Ấn 1	Ngọc Lặc	7.5	7.0	8.5	Đạt
46	1549	Lê Thị	Minh	15/12/1973		Trường TH Minh Sơn 1	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.0	Đạt
47	1550	Phạm Thị	Nga	18/07/1981		Trường TH Ngọc Sơn	Ngọc Lặc	9.0	8.0	8.5	Đạt
48	1551	Phạm Bá	Nghiệp	16/09/1985	Nam	Tiểu học Mường Mìn	Quan Sơn	9.0	7.5	8.5	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
49	1552	Ngân Văn	Ngoạn	18/05/1985	Nam	Tiểu học Na Mèo	Quan Sơn	9.0	8.0	8.5	Đạt
50	1553	Lê Thị	Nguyệt	05/05/1976		Trường TH Ngọc Liên	Ngọc Lặc	8.5	8.5	8.0	Đạt
51	1554	Lương Thị	Nhiên	02/02/1984		Tiểu học Sơn Lư	Quan Sơn	8.5	8.5	8.5	Đạt
52	1555	Lương Văn	Nhiệt	01/10/1982	Nam	Tiểu học Tam Lư	Quan Sơn	8.5	7.5	8.0	Đạt
53	1556	Nguyễn Thị	Nhung	10/10/1983	Nam	TH Cẩm Thành	Cẩm Thủy	9.0	8.0	9.0	Đạt
54	1557	Lê Thị	Nhung	16/09/1980		Trường TH Lam Sơn	Ngọc Lặc	7.0	7.0	8.5	Đạt
55	1558	Hà Văn	Nọi	19/09/1981	Nam	Tiểu học Sơn Hà	Quan Sơn	8.0	7.5	8.0	Đạt
56	1559	Lê Thị	Oanh	12/10/1971		Tiểu học Trung Xuân	Quan Sơn	8.5	8.0	8.5	Đạt
57	1560	Lê Thị	Phương	10/05/1975		TH Cẩm Thành	Cẩm Thủy	8.0	7.5	8.5	Đạt
58	1561	Bùi Thị	Phương	02/04/1977		Tiểu học Trung Tiến	Quan Sơn	8.5	8.0	8.0	Đạt
59	1562	Nguyễn Thị	Qui	05/10/1974		TH Cẩm Phú	Cẩm Thủy	8.0	8.0	9.0	Đạt
60	1563	Lê Văn	Quý	15/09/1982	Nam	TH Cẩm Thạch	Cẩm Thủy	7.0	7.0	8.0	Đạt
61	1564	Trương Thị	Quyên	15/02/1982		TH Cẩm Yên	Cẩm Thủy	8.0	8.0	8.5	Đạt
62	1565	Hà Thị	Quỳnh	10/06/1980	Nam	Trường TH Kiên Thọ I	Ngọc Lặc	8.0	8.0	8.5	Đạt
63	1566	Nguyễn Thị	Sinh	19/09/1983		Trường TH Thạch Lập 1	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.5	Đạt
64	1567	Trần Văn	Sử	19/08/1979	Nam	TH Cẩm Quý	Cẩm Thủy	8.0	7.5	8.0	Đạt
65	1568	Lê Thị	Tâm	17/10/1970		TH Cẩm Liên	Cẩm Thủy	8.5	8.0	8.5	Đạt
66	1569	Trần Thị	Tâm	03/11/1980		TH Cẩm Quý	Cẩm Thủy	8.0	8.0	8.0	Đạt
67	1570	Tống Công	Thái	09/09/1981		TH Cẩm Quý	Cẩm Thủy	8.0	7.0	8.5	Đạt
68	1571	Trương Thị	Thắm	24/04/1972		Trường TH Minh Sơn 2	Ngọc Lặc	7.5	8.0	8.5	Đạt
69	1572	Bùi Thị	Thắng	10/08/1975		TH Cẩm Ngọc	Cẩm Thủy	7.0	8.0	8.5	Đạt
70	1573	Phạm Công	Thắng	21/04/1985	Nam	Tiểu học Mường Mìn	Quan Sơn	8.0	7.5	8.5	Đạt
71	1574	Phạm Thị	Thắng	03/06/1982		Tiểu học Sơn Điện 2	Quan Sơn	7.5	9.0	8.5	Đạt
72	1575	Hà Trung	Thành	04/09/1983	Nam	Tiểu học Sơn Lư	Quan Sơn	8.5	8.0	9.0	Đạt
73	1576	Vũ Mạnh	Thành	06/02/1985	Nam	Tiểu học Sơn Thủy	Quan Sơn	7.0	6.0	8.0	Đạt
74	1577	Bùi Quốc	Thịnh	02/03/1980	Nam	Trường TH Minh Sơn 1	Ngọc Lặc	8.0	8.0	8.0	Đạt
75	1578	Bùi Thị	Thoa	06/10/1981		TH Cẩm Long	Cẩm Thủy	8.0	8.0	8.0	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
76	1579	Trần Thị	Thu	15/09/1975		Trường TH Kiên Thọ I	Ngọc Lặc	8.5	8.5	9.0	Đạt
77	1580	Nguyễn Như Hoài	Thu	15/11/1980		Trường TH Minh Tiến	Ngọc Lặc	8.5	9.0	9.0	Đạt
78	1581	Vi Văn	Thuấn	07/03/1985	Nam	Tiểu học Na Mèo	Quan Sơn	8.5	7.5	8.5	Đạt
79	1582	Đỗ Thị	Thuận	14/04/1976		Trường TH Cao Thịnh	Ngọc Lặc	8.0	8.0	8.0	Đạt
80	1583	Lê Thị	Thùy	05/08/1977	Nam	Trường TH Ngọc Khê 1	Ngọc Lặc	8.5	8.5	8.5	Đạt
81	1584	Hoàng Anh	Thủy	19/08/1975		TH Cẩm Liên	Cẩm Thủy	8.5	8.0	8.5	Đạt
82	1585	Nguyễn Thị	Thủy	19/01/1979		Trường TH Phúc Thịnh	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.5	Đạt
83	1586	Phạm Văn	Thuyết	10/09/1964	Nam	TH Cẩm Bình 1	Cẩm Thủy	8.5	8.5	9.0	Đạt
84	1587	Nguyễn Văn	Tích	01/02/1978	Nam	Trường TH Lộc Thịnh	Ngọc Lặc	8.0	8.0	7.5	Đạt
85	1588	Hà Hồng	Tiến	06/08/1983	Nam	Tiểu học Tam Lư	Quan Sơn	8.0	7.0	8.0	Đạt
86	1589	Hà Văn	Tiện	22/07/1981	Nam	Tiểu học Tam Thanh	Quan Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt
87	1590	Lò Văn	Tiếp	10/06/1980	Nam	Tiểu học Tam Lư	Quan Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt
88	1591	Lê Thị	Tình	01/01/1977		Trường TH Nguyệt Ấn 1	Ngọc Lặc	8.0	8.5	8.0	Đạt
89	1592	Nguyễn Thị	Trâm	19/04/1979		Trường TH Kiên Thọ I	Ngọc Lặc	8.5	8.0	8.0	Đạt
90	1593	Phạm Thị	Tươi	28/02/1981		Trường TH Đồng Thịnh	Ngọc Lặc	8.5	8.0	9.0	Đạt
91	1594	Cao Thị	Vinh	15/05/1978		Trường TH Thạch Lập 2	Ngọc Lặc	8.0	7.5	8.0	Đạt
92	1595	Bùi Thị	Vượng	07/08/1982		Trường TH Minh Tiến I	Ngọc Lặc	8.0	8.5	7.5	Đạt

(*Ấn định danh sách này gồm 92 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Trưởng